

Phụ lục I

MẪU BÁO CÁO THƯỜNG NIÊN CỦA CƠ SỞ GIÁO DỤC THỰC HIỆN CHƯƠNG TRÌNH GIÁO DỤC MẦM NON, GIÁO DỤC PHỔ THÔNG, GIÁO DỤC THƯỜNG XUYÊN¹

*(Kèm theo Thông tư số 09/2024/TT-BGDĐT ngày 03 tháng 06 năm 2024 của
Bộ trưởng Bộ Giáo dục và Đào tạo)*

UBND HUYỆN DIỄN CHÂU

PHÒNG GD&ĐT DIỄN CHÂU

TÊN CƠ SỞ GIÁO DỤC

TRƯỜNG THCS DIỄN TÂN

BÁO CÁO THƯỜNG NIÊN

Năm: 2024

I. THÔNG TIN CHUNG²

1. Tên cơ sở giáo dục: Trường THCS Diễn Tân.

2. Địa chỉ trụ sở chính: Xóm 5, xã Diễn Tân, huyện Diễn Châu, tỉnh Nghệ An,
Điện thoại: 0976 149 299

Địa chỉ thư điện tử, cổng thông tin điện tử hoặc trang thông tin điện tử của cơ
sở giáo dục (sau đây gọi chung là cổng thông tin điện tử).

3. Loại hình của cơ sở giáo dục: Công Lập - Trực thuộc Phòng GD&ĐT Diễn
Châu quản lý

4. Sứ mạng, tầm nhìn, mục tiêu của cơ sở giáo dục.....

a) Sứ mệnh:

- Xây dựng nhà trường trở thành môi trường học tập nề nếp, kỷ cương, tình
thương, trách nhiệm, có chất lượng giáo dục tốt để mỗi học sinh đều có cơ hội, điều
kiện phát triển năng lực và tư duy sáng tạo, làm cho học sinh thấy rằng: Mỗi ngày
đến trường là một ngày vui.

b) Tầm nhìn:

Đến năm 2025 Trường THCS Diễn Tân sẽ trở thành một trường có thương
hiệu về chất lượng của huyện nhà, là địa chỉ tin cậy để phụ huynh gửi gắm con em
mình; CSVC trang thiết bị đầy đủ hiện đại; Cảnh quan trường lớp khang trang sạch

đẹp; môi trường giáo dục an toàn; giáo viên và học sinh luôn có khát vọng phát triển và không ngừng hoàn thiện về trí tuệ và nhân cách.

c) Mục tiêu của cơ sở giáo dục

- Nâng cao chất lượng đội ngũ CB - GV - NV đáp ứng yêu cầu phát triển giáo dục.
- Nâng cao chất lượng giáo dục toàn diện cho học sinh.
- Huy động nguồn lực để phát triển tốt nhà trường. Hoàn thiện cơ sở vật chất, thiết bị.
- Xây dựng nhà trường có uy tín về chất lượng giáo dục, là mô hình giáo dục hiện đại, tiên tiến phù hợp với xu thế phát triển của đất nước trong thời kỳ hội nhập
- Trường được công nhận kiểm định chất lượng giáo dục cấp độ 3, trường chuẩn quốc gia.
- Xây dựng tập thể đạt lao động tiên tiến trở lên.
- Đến năm 2025, Trường THCS Diên Tân trở thành trường có thương hiệu về chất lượng đứng trong top 10 trường chất lượng tốt của huyện và hiện đại về CSVC, cảnh quan đẹp. Trường THCS Diên Tân tiếp tục đề nghị công nhận đơn vị đạt chuẩn Quốc gia mức độ II, kiểm định chất lượng cấp độ III.

5. Tóm tắt quá trình hình thành và phát triển của cơ sở giáo dục.

Trường THCS Diên Tân tiền thân là trường phổ thông cấp 2 Diên Tân được thành lập từ tháng 9 năm 1971 do thầy Đinh Văn Phước làm hiệu trưởng. Sự ra đời của trường đã tạo điều kiện thuận lợi cho con em Diên Tân học tập và rèn luyện. Các phong trào thi đua, "***Đạy tốt- học tốt***" được phát động ngay từ những ngày đầu, góp phần từng bước nâng cao chất lượng giáo dục toàn diện trong nhà trường. Năm 1979 trường làm thêm 8 phòng học phía nam sân trường với học sinh của cả 2 cấp học và có tên gọi là trường cấp 1-2 xã Diên Tân. Trong giai đoạn từ năm học 1992-1993 đến năm học 1995-1996 trường sát nhập với học sinh xã Diên Thịnh. Lúc bấy giờ tại địa điểm này trở thành một phân hiệu của Trường phổ thông THCS Diên Thịnh. Năm học 1996-1997, Trường phổ thông THCS Diên Thịnh tách thành hai trường và từ đó, Trường THCS Diên Tân được tái thành lập theo quyết định số 2998/QĐ/UB ngày 22 tháng 8 năm 1996 của Ủy ban nhân dân Tỉnh Nghệ An với tên gọi Trường THCS Diên Tân hiện nay. Hiện nay cơ sở vật chất trường đã có 16 phòng học cao tầng, và dãy nhà hành chính khang trang. Trường có 3 phòng học chức năng, 1 phòng truyền thông, 2 phòng sinh hoạt tổ chuyên môn, 1 phòng đoàn đội, 1 phòng công đoàn, 1 phòng y tế, 1 phòng thư viện, 1 phòng kế toán, 1 tư vấn tâm lý. Dãy nhà cấp 4 gồm các phòng học bộ môn: các phòng thực hành, phòng âm nhạc và mỹ thuật, 2 phòng kho thiết bị, 2 khu vệ sinh dành cho học sinh và giáo viên, có hệ thống nước sạch dành cho giáo viên và học sinh.

Trải qua 53 năm xây dựng và phát triển, nhận được sự quan tâm chỉ đạo của Sở GD&ĐT Nghệ An, Phòng GD&ĐT Diên Châu, của các cấp ủy Đảng, chính quyền các cấp cùng với sự nỗ lực hết mình của tập thể CB, GVCNV, Hội cha mẹ học sinh công tác giáo dục của nhà trường luôn có những bước đi tương đối vững chắc. Tháng 9 năm 2020 trường THCS Diên Tân được UBND Tỉnh Nghệ An ra quyết định số 2996/QĐ.UBND.VX công nhận trường THCS Diên Tân đạt chuẩn Quốc gia mức độ I. Tháng 8 năm 2020 Trường THCS Diên Tân được Sở GD&ĐT ra quyết định số 915/QĐ-SGD&ĐT công nhận trường THCS Diên Tân đạt tiêu chuẩn kiểm định chất lượng giáo dục cấp độ 2.

Hiện nay nhà trường có một tập thể sư phạm đoàn kết, gắn bó, đội ngũ giáo viên tương đối đồng đều về chuyên môn, nghiệp vụ. Năm học 2024-2024, trường có 25 giáo viên trực tiếp giảng dạy, 100% giáo viên có trình độ đạt trên chuẩn. Nhà trường có 14 lớp học với 567 học sinh. Trường có tổ chức chi bộ Đảng gồm 22 Đảng viên, liên tục đạt chi bộ đảng trong sạch vững mạnh và vững mạnh tiêu biểu. Các tổ chức: Công đoàn, Đội thiếu niên, Hội CMHS hoạt động tích cực, thực hiện nghiêm túc các cuộc vận động; đầu tư xây dựng CSVC, trang thiết bị, đồ dùng dạy học, nâng cao hiệu quả giờ dạy trên lớp; thực hiện nghiêm túc chương trình, kế hoạch giảng dạy, các hoạt động trải nghiệm hướng nghiệp, dạy nghề; các phong trào văn nghệ, thể dục thể thao nâng cao chất lượng giáo dục toàn diện. Trong năm học 2023-2024 trường có 03 GV đạt được danh hiệu giáo viên dạy giỏi cấp Huyện, 49 lượt em đạt HSG cấp Huyện và có 1 em đạt giải 3 cấp tỉnh môn vật lý. Trường có cơ ngơi khang trang với đầy đủ các phòng học, phòng làm việc, các đồ dùng, trang thiết bị tương đối hiện đại đáp ứng được với yêu cầu dạy học trong giai đoạn hiện nay.

Bên cạnh những thuận lợi cơ bản của nhà trường cũng không ít những khó khăn cần giải quyết hiện nay là trường còn khá nhiều học sinh có hoàn cảnh gia đình khó khăn, cha mẹ ít quan tâm đến việc học tập của con cái, do đó ảnh hưởng không ít đến chất lượng học tập chung của nhà trường.

Để xứng đáng với sự quan tâm của Đảng và Nhà nước, chính quyền địa phương, song song với việc đổi mới nội dung, phương pháp dạy học; đổi mới kiểm tra, đánh giá; bồi dưỡng năng lực cho đội ngũ giáo viên; tăng cường CSVC phục vụ dạy học cho những năm học tiếp theo. Trường THCS Diễn Tân đã thực hiện nghiêm túc Thông tư Số 18/2018/TT-BGDĐT ngày 22 tháng 8 năm 2018 của Bộ trưởng Bộ GDĐT về việc Ban hành Quy định về kiểm định chất lượng và công nhận trường đạt chuẩn quốc gia. Xác định được hoạt động TĐG sẽ tạo ra bước chuyển biến lớn về CLGD của nhà trường vì TĐG CLGD sẽ giúp nhà trường thấy được những ưu, khuyết điểm của mình, từ đó xây dựng kế hoạch cải tiến chất lượng giáo dục theo các tiêu chuẩn đã quy định, hoạch định được phương hướng, mục tiêu và đề ra các giải pháp, từng bước phấn đấu đưa nhà trường phát triển để xây dựng trường THCS đạt chuẩn Quốc gia mức độ II và kiểm định chất lượng cấp độ 3

6. Thông tin người đại diện pháp luật:

- Thầy Trần sỹ Hạnh - Hiệu trưởng
- Địa chỉ nơi làm việc: Xóm 5, xã Diễn Tân, huyện Diễn Châu, tỉnh Nghệ An
- Số điện thoại: 0976149299
- Địa chỉ thư điện tử (Email): *hanhpck.dc@gmail.com*

7. Tổ chức bộ máy:

a) Trường THCS Diễn Tân được tái thành lập năm 1996 theo Quyết định số 2998/QĐ/UB ngày 22 tháng 8 năm 1996 của Ủy ban nhân dân Tỉnh Nghệ An

b) Quyết định công nhận hội đồng trường số 3698/QĐ-UBND, ngày 11/11/2023 của UBND huyện công nhận kiện toàn hội đồng trường và danh sách thành viên hội đồng trường;

DANH SÁCH KIẾN TOÀN HỘI ĐỒNG TRƯỜNG

TRƯỜNG THCS DIỄN TÂN
NHIỆM KỲ 2020 – 2025

TT	Họ và tên	Ngày, tháng, năm sinh	Chức danh, chức vụ trong đơn vị	Đơn vị công tác (theo trường)
1	Trần Sỹ Hạnh	15/08/1981	Hiệu trưởng	THCS Diễn Tân
2	Nguyễn Thị Thu Ái	22/11/1977	Tổ phó CM	THCS Diễn Tân
3	Hồ Thị Bình	15/10/1974	P. Hiệu trưởng	THCS Diễn Tân
4	Đậu Công Triều	30/01/1981	CT. UBND xã	UBND xã Diễn Tân
5	Lê Thị Thúy	08/12/1978	Tổ trưởng tổ KHTN	THCS Diễn Tân
6	Dương Thị Thúy	24/09/1978	Tổ trưởng tổ KHXH	THCS Diễn Tân
7	Đặng Tôn Minh Đức	18/04/1981	TPT Đội	THCS Diễn Tân
8	Cao Trọng Bằng	01/02/1982	Chủ tịch công đoàn	THCS Diễn Tân
9	Phan Thị Thoa	02/02/1981	Trưởng ban TTND	THCS Diễn Tân
10	Cao Đăng Hùng	05/07/1979	Trưởng ban ĐD CMHS	THCS Diễn Tân
11	Phan Thị Quỳnh Như	13/03/2010	Học sinh	THCS Diễn Tân

c) Quyết định điều động, bổ nhiệm, công nhận hiệu trưởng, phó hiệu trưởng.

- Quyết định bổ nhiệm lại Hiệu trưởng: Số 2522/QĐ-UBND ngày 22/08/2024

- Quyết định bổ nhiệm lại Phó hiệu trưởng: Số 2503/QĐ-UBND ngày 22/08/2024

d) Quy chế tổ chức và hoạt động của cơ sở giáo dục; chức năng, nhiệm vụ, quyền hạn của cơ sở giáo dục và của các đơn vị thuộc, trực thuộc, thành viên (nếu có); sơ đồ tổ chức bộ máy của cơ sở giáo dục;

- Nhà trường có quy chế hoạt động cơ quan của hiệu trưởng theo số Quyết định:

8. Các văn bản khác của cơ sở giáo dục: Chiến lược phát triển của cơ sở giáo dục; quy chế dân chủ ở cơ sở của cơ sở giáo dục; các nghị quyết của hội đồng trường; quy định về quản lý hành chính, nhân sự, tài chính; chính sách thu hút, phát triển đội ngũ nhà giáo và cán bộ quản lý giáo dục; kế hoạch và thông báo tuyển dụng của cơ sở giáo dục và các quy định, quy chế nội bộ khác (nếu có).

- Nhà trường có các văn bản, kế hoạch về chiến lược phát triển hàng năm và tầm nhìn đến năm 2030 (có văn bản kèm theo)

II. ĐỘI NGŨ NHÀ GIÁO, CÁN BỘ QUẢN LÝ VÀ NHÂN VIÊN³

1. Thông tin về đội ngũ giáo viên, cán bộ quản lý và nhân viên:

a) Số lượng giáo viên: 26

- Cán bộ quản lý: 02

- Nhân viên: 03 trong đó 01 Kế toán, 01 TBDH – thủ quỹ, 01 Thư Viện – văn phòng;

b) Số lượng, tỷ lệ giáo viên, cán bộ quản lý đạt chuẩn nghề nghiệp theo quy định:
26/26 đạt tỷ lệ 100%

c) Số lượng, tỷ lệ giáo viên cán bộ quản lý và nhân viên hoàn thành bồi dưỡng hằng năm theo quy định: 31/31 đạt tỷ lệ 100%

III. CƠ SỞ VẬT CHẤT⁴

1. Thông tin về cơ sở vật chất và tài liệu học tập sử dụng chung:

a) Diện tích khu đất xây dựng trường 9.998 m², diện tích bình quân tối thiểu cho một học sinh 17.6m²/hs ;

b) Số lượng, hạng mục khối phòng hành chính quản trị 01; khối phòng học tập 14; khối phòng hỗ trợ học tập 01; khối phụ trợ 0; khu sân chơi, thể dục thể thao 02; khối phục vụ sinh hoạt 0; hạ tầng kỹ thuật 0; đối sánh với yêu cầu tối thiểu theo quy định;

c) Số thiết bị dạy học hiện có; đối sánh với yêu cầu tối thiểu theo quy định;

STT	Nội dung	Số lượng	Bình quân
I	Số phòng học	14	1.48 m ² /học sinh
II	Loại phòng học		-
1	Phòng học kiên cố	14	1.48 m ² /học sinh
2	Phòng học bán kiên cố	0	-
3	Phòng học tạm	0	-
4	Phòng học nhờ	0	-
5	Số phòng học bộ môn	5	1.9 m ² /học sinh
6	Số phòng học đa chức năng (có phương tiện nghe nhìn)	0	0
7	Bình quân lớp/phòng học	14/14	1lớp/1 phòng
8	Bình quân học sinh/lớp	567/14	41 em/lớp
III	Số điểm trường	1	
IV	Tổng số diện tích đất (m ²)	9.998 m ²	17,6 m ² /học sinh

V	Tổng diện tích sân chơi, bãi tập (m²)	4620 m ²	8.9 m ² /học sinh
VI	Tổng diện tích các phòng	1.330	1.3 m ² /học sinh
1	Diện tích phòng học (m ²)	60 m ² /phòng	1.4 m ² /học sinh
2	Diện tích phòng học bộ môn (m ²)	75 m ² / 1 phòng	1.8 m ² /học sinh
3	Diện tích thư viện (m ²)	85 m ²	2.1 m ² /học sinh
4	Diện tích nhà tập đa năng (Phòng giáo dục rèn luyện thể chất) (m ²)	0	
5	Diện tích phòng hoạt động Đoàn Đội, phòng truyền thống (m ²)	35 m ² /phòng 85 m ² /phòng	
VII	Tổng số thiết bị dạy học tối thiểu (Đơn vị tính: bộ)		Số bộ/lớp
1	Tổng số thiết bị dạy học tối thiểu hiện có theo quy định	55 bộ	4.2 bộ/lớp
1.1	Khối lớp 6	12 bộ	3 bộ/ lớp
1.2	Khối lớp 7	14 bộ	3.5 bộ/lớp
1.3	Khối lớp 8	17 bộ	5.6 bộ/lớp
1.4	Khối lớp 9	12 bộ	4 bộ/lớp
2	Tổng số thiết bị dạy học tối thiểu còn thiếu so với quy định	16 bộ	
2.1	Khối lớp 6.	4 bộ	
2.2	Khối lớp 7	4 bộ	
2.3	Khối lớp 8	4 bộ	
2.4	Khối lớp 9	4 bộ	
3	Khu vườn sinh vật, vườn địa lý (diện tích/thiết bị)	0	
4	...		
VIII	Tổng số máy vi tính đang sử dụng phục vụ học tập (Đơn vị tính: bộ)	20	2 học sinh/bộ
IX	Tổng số thiết bị dùng chung khác	19	Số thiết bị/lớp

1	Ti vi	17	17/14
2	Cát xét	0	0/14
3	Đầu Video/đầu đĩa	1	1/14
4	Máy chiếu OverHead/projector/vật thể	1	1/14
5	Thiết bị khác...: Camera,	2	
6			

IX	Tổng số thiết bị đang sử dụng		Số thiết bị/lớp
1	Ti vi	17	17/14
2	Cát xét	0	0/14
3	Đầu Video/đầu đĩa	1	1/14
4	Máy chiếu OverHead/projector/vật thể	1	1/14
5	Thiết bị khác...: Camera,	2	
6			

X	Nhà vệ sinh	Dùng cho giáo viên	Dùng cho học sinh		Số m ² /học sinh	
			Chung	Nam/Nữ	Chung	Nam/Nữ
1	Đạt chuẩn vệ sinh*	X		X		0.34
2	Chưa đạt chuẩn vệ sinh*					

	Nội dung	Có	Không
XI	Nguồn nước sinh hoạt hợp vệ sinh	X	
XII	Nguồn điện (lưới, phát điện riêng)	X	
XIII	Kết nối internet	X	
XIV	Trang thông tin điện tử (website) của trường	X	
XV	Tường rào xây	X	

d) Danh mục sách giáo khoa sử dụng trong cơ sở giáo dục đã được cơ quan có thẩm quyền phê duyệt; danh mục, số lượng xuất bản phẩm tham khảo tối thiểu đã được cơ sở giáo dục lựa chọn, sử dụng theo quy định của Bộ Giáo dục và Đào tạo.

TT	Sách giáo khoa		Sách tham khảo
1.	SÁCH GIÁO KHOA, BỔ TRỢ LỚP 6	1.	10 bức thư mẹ gửi con gái tuổi dậy thì
2.	Ngữ văn 6, 7, 8, 9 tập một	2.	10 câu nói vạn năng
3.	Ngữ văn 6, 7, 8, 9 tập hai	3.	10 Nghịch Lý Cuộc Sống
4.	Toán 6, 7, 8, 9 tập một	4.	10 quy luật của cuộc sống
5.	Toán 6, 7, 8, 9 tập hai	5.	20 bí quyết giúp teen sống không lo lắng và tỏa sáng
6.	Bài tập Toán 6, 7, 8, 9 tập 1	6.	3 người thầy vĩ đại
7.	Bài tập Toán 6, 7, 8, 9 tập 2	7.	75 câu chuyện tiểu sử truyền cảm hứng
8.	Khoa học tự nhiên 6, 7, 8, 9	8.	Bài Học Diệu Kỳ Từ Chiếc Xe Rác
9.	Công nghệ 6, 7, 8, 9	9.	Bạn Gái Khéo Tay
10.	Mỹ Thuật 6, 7, 8, 9	10.	Bạn muốn làm nghề gì
11.	Âm nhạc 6, 7, 8, 9	11.	Bạn Trai Tháo Vát
12.	Hoạt động trải nghiệm, hướng nghiệp 6, 7, 8, 9	12.	Bí Kíp Nhà Vô Địch
13.	Giáo dục thể chất 6, 7, 8, 9	13.	Bí mật của may mắn
14.	Lịch sử và địa lí 6, 7, 8, 9	14.	Bí quyết học đâu nhớ đó
15.	Giáo dục công dân 6, 7, 8, 9	15.	Bí Quyết Học Giỏi
16.	Tin học 6, 7, 8, 9	16.	Bí Quyết Học Nhanh Nhớ Lâu
17.	Tài liệu giáo dục địa phương lớp 6, 7, 8, 9	17.	Biến ước mơ thành hiện thực
18.	Văn hóa giao thông dành cho học sinh lớp 6, 7, 8, 9	18.	Bí quyết thay đổi cuộc đời
19.	Atlas địa lí Việt Nam	19.	Bộ sách chân dung - Charles Darwin là ai
20.	Hoạt động giáo dục STEM lớp 6, 7, 8, 9	20.	Bộ sách chân dung - Charlie Chaplin là ai
21.	Tiếng Anh 6, 7, 8, 9 (Không đĩa) tập 1	21.	Bộ sách chân dung - Galileo là ai
22.	Tiếng Anh 6, 7, 8, 9 (Không đĩa) tập 2	22.	Bộ sách chân dung - Julius Caesar là ai
23.	Bài tập Tiếng Anh 6, 7, 8, 9 tập 1	23.	Bộ sách chân dung - Wolfgang Amadeus Mozart là ai
24.	Bài tập ngữ văn 6, 7, 8, 9 - Tập một	24.	Bộ sách chân dung - Thomas Alva Edison là ai 49k
25.	Bài tập ngữ văn 6, 7, 8, 9 - Tập hai	25.	Bước chậm lại giữa thế gian vội vã
26.	Bài tập khoa học tự nhiên 6, 7, 8, 9	26.	Bước Ra Thế Giới
27.	BD năng lực tư vấn GD cho GV PT làm CTTVT	27.	Cảm ơn tất cả - Tiểu thuyết dành cho thanh thiếu niên
28.	Vở bài tập anh lớp 7 T1	28.	CN bạn gái - Tớ là cô gái quyết đoán
29.	Vở bài tập anh lớp 7 T2	29.	CN bạn trai - Tớ là chàng trai có trách nhiệm

30.	BT bổ trợ và nâng cao anh 7	30.	CN bạn trai - Tớ là chàng trai trưởng thành nói không với bạo lực
31.	BT bổ trợ và nâng cao anh 9	31.	Con Gái Ngoài Giờ Học Nói Chuyện Gì?
32.	Bộ đề BD HSG anh toàn diện lớp 7	32.	Con không ngốc con chỉ thông minh theo một cách khác
33.	Sách y tế học đường	33.	Con Trai Ngoài Giờ Học Nói Chuyện Gì?
34.	Múa hai bàn tay	34.	Cuộc chiến tuổi dậy thì
35.	Nhà văn Nghệ An	35.	Cuốn sách tài chính đầu đời
36.	Buông áo em ra	36.	Cứ bay rồi sẽ cao - Nguyễn Phi Vân
37.	Từ điển Anh- Việt 10000 từ thông dụng	37.	Chí Phèo
38.	Từ điển Usborne Toán Minh họa (dùng cho học sinh THCS)	38.	Chìa khóa để trở thành người đa ngôn ngữ
39.	Từ điển Usborne sinh học minh họa - Sách song ngữ	39.	Chìa Khóa Tư Duy Tích Cực
40.	Từ điển Usborne Hóa học minh họa - Sách song ngữ	40.	Chicken Soup For The Soul - Quà Tặng Cuộc Sống Từ Những Câu Chuyện Xúc Động
41.	Từ điển Usborne Vật lý minh họa - Sách song ngữ	41.	Chicken Soup For The Soul - Ánh Lửa Tình Bạn (mới)
42.	Sổ tay vật lý 9	42.	Chicken Soup For The Soul - Cảm Hứng Cuộc Sống
43.	Sổ tay hóa học 9	43.	Chicken Soup For The Soul - Dành Cho Học Sinh Sinh Viên
44.	Sổ tay kiến thức Ngữ văn THCS	44.	Chicken Soup For The Soul - Dành Cho Những Con Người Vượt Lên Số Phận
45.	Sổ tay tiếng Anh 7	45.	Chicken Soup For The Soul - Dành Cho Những Tâm Hồn Cần Điểm Tựa
46.	Sổ tay kiến thức Lịch sử THCS	46.	Chicken Soup For The Soul - Điểm Tựa Yêu Thương
47.	Sổ tay kiến thức Hóa học THCS	47.	Chicken Soup For The Soul - Gieo Niềm Tin Cuộc Sống
48.	Sổ tay kiến thức Toán THCS	48.	Chicken Soup For The Soul - Hạt Giống Yêu Thương
49.	Sổ tay tiếng Anh 6	49.	Chicken Soup For The Soul - Khi Bạn Mất Niềm Tin
50.	Để làm tốt bài văn nghị luận xã hội	50.	Chicken Soup For The Soul - Nghịch Cảnh & Giá Trị Cuộc Sống
51.	Những bài văn nghị luận đặc sắc 8	51.	Chicken Soup For The Soul - Những Người Bạn Nhỏ
52.	Những bài văn chọn lọc 8	52.	Chicken Soup For The Soul - Quà Tặng Tâm Hồn Dành Cho Tình yêu
53.	Tuyển chọn những bài văn đạt giải	53.	Chicken Soup For The Soul - Tìm Lại Giá Trị Cuộc Sống
54.	Ôn tập kiểm tra NC và phát triển NL toán 6	54.	Chicken Soup For The Soul - Vượt Lên Nghịch Cảnh
55.	BT nâng cao và phát triển toán 6 tập 1,2	55.	Chicken Soup For The Soul 16 - Khi Bạn Chỉ Có Một Mình
56.	Tuyển chọn đề thi HSG sinh 8	56.	Cho Đi Là Còn Mãi
57.	CĐ di truyền học NST sinh 9	57.	Cho tôi xin một vé đi tuổi thơ

58.	CĐ di truyền học người sinh 9	58.	Chuyện con chó tên là trung thành
59.	CĐ di truyền học phân tử sinh 9	59.	Chuyện con mèo dạy con hải âu bay
60.	Tuyển chọn các đề HSG tỉnh sinh 9	60.	Chuyện con mèo và con chuột bạn thân của nó
61.	15 chủ đề BD HSG cấp huyện hoá 9	61.	Chuyện con ốc sên muốn biết tại sao nó chậm chạp
62.	28 chủ đề BD HSG và bài giải 10 đề hoá 8	62.	Đắc Nhân Tâm
63.	Hạt Giống Tâm Hồn 1	63.	Đề lớp 9 không là đáng sợ
64.	Hạt Giống Tâm Hồn 10	64.	Đề trở thành người đàn ông chân chính
65.	Hạt Giống Tâm Hồn 11	65.	Đề trở thành người phụ nữ hiện đại
66.	Hạt Giống Tâm Hồn 12	66.	Đi Tìm Lẽ Sống
67.	Hạt Giống Tâm Hồn 13	67.	Đi Tìm Ý Nghĩa Cuộc Sống
68.	Hạt Giống Tâm Hồn 14	68.	Điểm đến của cuộc đời
69.	Hạt Giống Tâm Hồn 15	69.	Điều Diệu Kỳ Từ Cách Nhìn Cuộc Sống
70.	Hạt Giống Tâm Hồn 16	70.	Điều ý nghĩa nhất trong từng khoảnh khắc cuộc đời
71.	Hạt Giống Tâm Hồn 2	71.	Đọc chữa lành - Chạm tay vào hạnh phúc
72.	Hạt Giống Tâm Hồn 3	72.	Đọc chữa lành - Tâm tha thứ, lòng bình yên
73.	Hạt Giống Tâm Hồn 4	73.	Đọc nhanh, hiểu sâu, nhớ lâu trọn đời
74.	Hạt Giống Tâm Hồn 5	74.	Đọc thế nào? Không thể trì hoãn việc đọc
75.	Hạt Giống Tâm Hồn 6	75.	Đừng lựa chọn an nhàn khi còn trẻ
76.	Hạt Giống Tâm Hồn 7	76.	Factoscope: Geography - Khám phá sự sống
77.	Hạt Giống Tâm Hồn 8	77.	Factoscope: Geography - Khí quyển
78.	Hạt Giống Tâm Hồn 9	78.	Factoscope: Geography - Sinh quyển (1)
79.	Hãy sống cuộc đời như bạn muốn	79.	Factoscope: Geography - Sinh quyển (2)
80.	Hoàng tử bé	80.	Factoscope: Geography - Tìm hiểu và phối hợp với tự nhiên
81.	Học ăn học nói học gói học mở	81.	Factoscope: Geography - Tìm hiểu về Địa lí
82.	Học cách học 139k	82.	Factoscope: Science: Các chất và hỗn hợp
83.	Học cách làm việc	83.	Factoscope: Science: Cấu tạo và chức năng tế bào
84.	Học cách ứng xử	84.	Factoscope: Science: Khoa học và những định luật
85.	Học khôn ngoan mà không gian nan	85.	Factoscope: Science: Lực và năng lượng
86.	<u>Học Tập Cũng Cần Chiến Lược</u>	86.	Factoscope: Science: Sinh thái học
87.	Kĩ năng vàng cho học sinh trung học - Học cách hoàn thiện bản thân	87.	Factoscope: Science: Tìm hiểu về khoa học
88.	Kĩ năng vàng cho học sinh trung học - Học cách quản lí cuộc sống	88.	Factoscope: Science: Thiết bị chiếu sáng và vật lí hạt
89.	Kĩ năng vàng cho học sinh trung học - Học cách sống tự lập	89.	Gửi bạn, người đã trưởng thành mà chưa tìm thấy tài năng
90.	Kĩ năng vàng cho học sinh trung học - Học cách trưởng thành	90.	Gieo thói quen nhỏ gặt thành công lớn

91.	Kĩ năng vàng cho học sinh trung học - Học kĩ năng để thành công	91.	Giới hạn của bạn chỉ là xuất phát điểm của tôi
92.	Kĩ năng vàng cho học sinh trung học - Học kĩ năng nói	92.	Hài hước một chút thế giới sẽ khác đi
93.	Kĩ năng vàng cho teen thế kỉ 21 - Bí kíp ghi chép hiệu quả	93.	Hành trang du học 79k
94.	Kĩ năng vàng cho teen thế kỉ 21 - Bí kíp làm chủ môn văn	94.	Hành Trình đến Thành Công Của Tuổi Trẻ
95.	Kiến Tạo Thế Hệ Việt Nam Ưu Việt	95.	KÍNH VẠN HOA - 17 - Bạn gái - Cửa hàng bánh kẹo - Một ngày kì lạ
96.	KÍNH VẠN HOA - 10 - Mùa hè bận rộn - Hoa tỉ muội - Quán kem	96.	KÍNH VẠN HOA - 18 - Tóc ngắn tóc dài - Má lúm đồng tiền - Cà phê áo tím
97.	KÍNH VẠN HOA - 11 - Thằng thỏ đẻ - Bên ngoài cửa lớp - Họa mi một mình	97.	KÍNH VẠN HOA - 8 - Tấm huy chương vàng - Cỗ xe ngựa kì bí - Giải thưởng lớn
98.	KÍNH VẠN HOA - 16 - Người giúp việc khác thường - Ngủ quên trên đời - Kẻ thần bí	98.	KÍNH VẠN HOA - 9 - Hiệp sĩ ngủ ngày - Tiết mục bất ngờ - Phù thủy

IV. KIỂM ĐỊNH CHẤT LƯỢNG GIÁO DỤC⁵

1. Thông tin về kết quả đánh giá và kiểm định chất lượng giáo dục:

a) Kết quả tự đánh giá chất lượng giáo dục của cơ sở giáo dục; kế hoạch cải tiến chất lượng sau tự đánh giá;

* Kết quả tự đánh giá chất lượng giáo dục

- Nhà trường đã xây dựng được đội ngũ cán bộ, giáo viên, nhân viên có năng lực và phẩm chất đạo đức tốt. 100% cán bộ, giáo viên, nhân viên đạt chuẩn và đạt trình độ trên chuẩn. Giáo viên tích cực đổi mới quản lí lớp học bằng các biện pháp giáo dục tích cực.

- Giúp học sinh có thái độ học tập tốt, chủ động và tự tin trong học tập, có kỉ luật, biết hợp tác và tôn trọng mọi người xung quanh.

* Kế hoạch cải tiến chất lượng

- Tiếp tục xây dựng kỉ cương, nề nếp nhà trường theo hướng “Trường học thân thiện, học sinh tích cực”. Tăng cường giáo dục kĩ năng sống, phòng chống tai nạn thương tích, đuối nước, thực hiện tốt An toàn giao thông, nói không với bạo lực học đường cho học sinh.

- Nâng cao chất lượng đại trà học sinh, đặc biệt nâng cao tỷ lệ học sinh đậu vào trường trung học phổ thông công lập, nâng cao chất lượng học sinh giỏi các cấp.

- Đẩy mạnh công tác Phổ cập giáo dục trên cơ sở đảm bảo chất lượng giáo dục, trước mắt chống học sinh bỏ học, tập trung phụ đạo học sinh yếu kém. Phần đầu đạt được trường có chất lượng tốt.

- Nâng cao chất lượng đội ngũ cán bộ, giáo viên, nhân viên đủ tâm và tầm để thực hiện nhiệm vụ trong tình hình mới. Ưu tiên xây dựng và phát triển đội ngũ nhà giáo, CBQL có chất lượng cao, có bản lĩnh chính trị vững vàng, đồng thời coi trọng xây

dựng đội ngũ nhân viên về ý thức và năng lực chuyên môn phục vụ dạy học, GD, quản lý nhà trường.

- Đổi mới công tác quản lý trên cơ sở đáp ứng theo các yêu cầu của các chuẩn đánh giá chất lượng giáo dục.

- Đổi mới phương pháp, kỹ thuật dạy học và kiểm tra đánh giá trên cơ sở chuẩn kiến thức, kỹ năng của chương trình giáo dục trung học cơ sở. Phát huy tính tích cực, chủ động, sáng tạo của mỗi học sinh. Nâng cao chất lượng giáo dục toàn diện.

- Thực hiện tốt ứng dụng CNTT trong dạy học và công tác quản lý để nâng cao chất lượng và hiệu quả công tác.

- Xây dựng mối quan hệ chặt chẽ, phối hợp hành động hiệu quả giữa gia đình, nhà trường, xã hội trong việc giáo dục học sinh.

- Cùng cố, tham mưu xây dựng CSVC của nhà trường theo hướng đồng bộ, hiện đại. Bổ sung bàn, ghế đạt chuẩn, sửa chữa và mua sắm thêm máy vi tính để đảm bảo các tiêu chuẩn của trường chuẩn quốc gia nhằm mục đích phục vụ tốt cho dạy và học.

- Tiếp tục giữ vững đơn vị đạt kiểm định chất lượng cấp độ II, trường chuẩn Quốc gia mức độ I.

b) Kết quả đánh giá ngoài và công nhận đạt kiểm định chất lượng giáo dục, đạt chuẩn quốc gia của cơ sở giáo dục qua các mốc thời gian; kế hoạch và kết quả thực hiện cải tiến chất lượng sau đánh giá ngoài trong 05 năm và hằng năm.

- Nhà trường đạt kiểm định chất lượng cấp độ II và trường chuẩn Quốc gia mức độ I

2. Cơ sở giáo dục thực hiện chương trình giáo dục của nước ngoài hoặc chương trình giáo dục tích hợp thực hiện công khai thêm các nội dung sau đây:

a) Tên chương trình, quốc gia cung cấp chương trình, thông tin chi tiết về đối tác thực hiện liên kết giáo dục để dạy chương trình giáo dục tích hợp;

b) Tên cơ quan, tổ chức kiểm định chất lượng giáo dục hoặc cơ quan có thẩm quyền của nước ngoài công nhận về chất lượng giáo dục;

c) Ngôn ngữ thực hiện các hoạt động giáo dục.

V. KẾT QUẢ HOẠT ĐỘNG GIÁO DỤC⁶

1. Thông tin về kết quả giáo dục thực tế của năm học trước:

Công khai thông tin chất lượng giáo dục thực tế của trường trung học cơ sở và trường trung học phổ thông, năm học 2023-2024

STT	Nội dung	Tổng số	Chia ra theo khối lớp			
			Lớp 6	Lớp 7	Lớp 8	Lớp 9
I	Số học sinh chia theo hạnh kiểm	523	152	141	113	117
1	Tốt (tỷ lệ so với tổng số)	425 81	130 85.5	113 80.1	79 70	103 88
2	Khá (tỷ lệ so với tổng số)	69 13.2	22 14.5	21 14.9	15 13.3	11 9.4
3	Trung bình (tỷ lệ so với tổng số)	24 4.6	0 0	6 4.3	16 14.2	2 1.7
4	Yếu (tỷ lệ so với tổng số)	1 0.2	0	0	0	1 0.9
II	Số học sinh chia theo học lực	523	152	141	113	117
1	Giỏi (tỷ lệ so với tổng số)	128 24.3	41 27	21 14.9	37 32.7	29 24.8
2	Khá (tỷ lệ so với tổng số)	220 42.1	73 48	62 44	35 31	50 42.7
3	Đạt (tỷ lệ so với tổng số)	169 32.3	38 25	57 40	38 33.6	36 30.8
4	Chưa đạt (tỷ lệ so với tổng số)	2 0.4	0	0	1 0.8	1 0.9
III	Tổng hợp kết quả cuối năm	523	152	141	113	117
1	Lên lớp (tỷ lệ so với tổng số)	522 99.0	152 100	141 100	112 99.1	116 99.1
a	Học sinh giỏi (tỷ lệ so với tổng số)	128 24.3	41 27	21 14.9	37 32.7	29 24.8

c	Học sinh tiên tiến (tỷ lệ so với tổng số)	50 9.6	0	0	0	50 42.7
2	Thi lại (tỷ lệ so với tổng số)	2 0.4	0	0	2 1.8	0
3	Lưu ban (tỷ lệ so với tổng số)	1 0.2	0	0	1 0.9	0
4	Chuyển trường đến/đi (tỷ lệ so với tổng số)	4 7	0 2	2 0	1 4	1 1
5	Bị đuổi học (tỷ lệ so với tổng số)	0	0	0	0	0
6	Bỏ học (qua kỳ nghỉ hè năm trước và trong năm học) (tỷ lệ so với tổng số)	3 0.6	0	1 0.7	2 1.8	0
IV	Số học sinh đạt giải các kỳ thi học sinh giỏi					
1	Cấp huyện	49	5	2	18	24
2	Cấp tỉnh/thành phố	1	0	0	0	1
3	Quốc gia, khu vực một số nước, quốc tế	0	0	0	0	0
V	Số học sinh dự xét hoặc dự thi tốt nghiệp	116	0	0	0	116
VI	Số học sinh được công nhận tốt nghiệp	115	0	0	0	115
1	Giỏi (tỷ lệ so với tổng số)	29 25.2	0	0	0	29 25.2
2	Khá (tỷ lệ so với tổng số)	50 43.5	0	0	0	50 43.5

3	Trung bình (Tỷ lệ so với tổng số)	36 31.3	0	0	0	36 31.3
VII	Số học sinh thi đỗ đại học, cao đẳng (tỷ lệ so với tổng số)					
VIII	Số học sinh nam/số học sinh nữ	284 239	79 73	82 60	68 45	55 61
IX	Số học sinh dân tộc thiểu số	0	0	0	0	01

a) Kết quả tuyển sinh; tổng số học sinh theo từng khối; số học sinh bình quân/lớp theo từng khối; số lượng học sinh học 02 buổi/ngày; số lượng học sinh nam/học sinh nữ, học sinh là người dân tộc thiểu số, học sinh khuyết tật; số lượng học sinh chuyển trường và tiếp nhận học sinh học tại trường;

- Kết quả tuyển sinh. Tổng số học sinh toàn trường: 525 em; trong đó Khối 6: 152 em; Khối 7: 143 em; Khối 8: 113 em; Khối 9: 117 em.

- Học sinh Nam: 285 em chiếm tỷ lệ 54.3%; Học sinh nữ: 240 chiếm tỷ lệ 45.7%, học sinh là người dân tộc thiểu số: 01; học sinh Khuyết tật: 03 em.

- Số học sinh chuyển đi: 7 em; chuyển đến: 4 em.

b) Thống kê kết quả đánh giá học sinh theo quy định của Bộ giáo dục và Đào tạo; thống kê số lượng học sinh được lên lớp, học sinh không được lên lớp;

- Số học sinh được lên lớp trong năm học 2023-2024 là 521 em đạt tỷ lệ 99.2%.

c) Số lượng học sinh được công nhận hoàn thành chương trình, học sinh được cấp bằng tốt nghiệp; số lượng học sinh trúng tuyển vào các cơ sở giáo dục nghề nghiệp đối với cấp trung học cơ sở và trung học phổ thông; số lượng học sinh trúng tuyển đại học đối với cấp trung học phổ thông.

- Số học sinh được công nhận và tốt nghiệp lớp 9: 115 em đạt tỷ lệ 98.3%

- Số học sinh đậu vào các trường THPT: 63/92 em đạt tỷ lệ 68.5%

2. Cơ sở giáo dục thực hiện chương trình giáo dục của nước ngoài hoặc chương trình giáo dục tích hợp thực hiện công khai thêm nội dung: số lượng học sinh đang học (chia theo số lượng học sinh là người Việt Nam, số lượng học sinh là người nước ngoài).

VI. KẾT QUẢ TÀI CHÍNH⁷ (Có bản báo cáo tài chính đính kèm)

1. Tình hình tài chính của cơ sở giáo dục trong năm tài chính trước liền kề thời điểm báo cáo theo quy định pháp luật, trong đó có cơ cấu các khoản thu, chi hoạt động như sau:

a) Các khoản thu phân theo: Nguồn kinh phí (ngân sách nhà nước, hỗ trợ của nhà đầu tư; học phí, lệ phí và các khoản thu khác từ người học; kinh phí tài trợ và hợp đồng với bên ngoài; nguồn thu khác) và loại hoạt động (giáo dục và đào tạo; khoa học và công nghệ; hoạt động khác);

- Thực hiện đúng, nghiêm túc các khoản thu theo quy định

b) Các khoản chi phân theo: Chi tiền lương và thu nhập (lương, phụ cấp, lương tăng thêm và các khoản chi khác có tính chất như lương cho giáo viên, giảng viên, cán bộ quản lý, nhân viên,...); chi cơ sở vật chất và dịch vụ (chi mua sắm, duy tu sửa chữa, bảo dưỡng và vận hành cơ sở vật chất, trang thiết bị, thuê mướn các dịch vụ phục vụ trực tiếp cho hoạt động giáo dục, đào tạo, nghiên cứu, phát triển đội ngũ,...); chi hỗ trợ người học (học bổng, trợ cấp, hỗ trợ sinh hoạt, hoạt động phong trào, thi đua, khen thưởng,...); chi khác.

- Thực hiện đầy đủ, đúng theo quy định các khoản chi: Chi tiền lương và thu nhập, chi cơ sở vật chất và dịch vụ, chi hỗ trợ người học

3. Chính sách và kết quả thực hiện chính sách hằng năm về trợ cấp và miễn, giảm học phí, học bổng đối với người học.

- Thực hiện đầy đủ và đúng quy định

4. Số dư các quỹ theo quy định, kể cả quỹ đặc thù (nếu có). Có hồ sơ tài chính kèm theo

VII. KẾT QUẢ THỰC HIỆN CÁC NHIỆM VỤ TRỌNG TÂM KHÁC⁸

THỦ TRƯỞNG ĐƠN VỊ

(Đã ký)

Trần Sỹ Hạnh

Số: 51/TBCK-THCSDT

Diễn Tân, ngày 25 tháng 9 năm 2024

THÔNG BÁO

Công khai thông tin về cơ sở giáo dục và thu chi tài chính năm học 2024-2025

Căn cứ Thông tư số 09/2024/TT-BGDĐT ngày 03/6/2024 của Bộ trưởng Bộ Giáo dục và Đào tạo Quy định về công khai trong hoạt động của các cơ sở giáo dục thuộc hệ thống giáo dục quốc dân, Trường THCS Diễn Tân công khai thông tin về cơ sở giáo dục và thu chi tài chính năm học 2024-2025 nội dung cụ thể như sau:

1. Tình hình tài chính của cơ sở giáo dục trong năm tài chính trước liền kề thời điểm báo cáo theo quy định pháp luật, trong đó có cơ cấu các khoản thu, chi hoạt động như sau:

a) Các khoản thu phân theo:

- Nguồn kinh phí (ngân sách nhà nước, học phí, lệ phí)
 1. Nguồn NSNN cấp năm 2024: 5.698.000.000đồng
 - Nguồn chi lương: 5.373.486.000 đồng
 - Nguồn chi hoạt động khác: 340.000.000 đồng
 2. Nguồn thu học phí (NH 2023-2024): 266.475.000 đồng
 3. Nguồn thu Tài trợ Giáo dục: 156.500.000 đồng
 4. Thu Dạy thêm, học thêm: 580.320.000 đồng
 5. Thu gửi xe đạp: 41.424.000 đồng
 6. Thu quỹ Hội phụ huynh: 45.700.000 đồng

b) Các khoản chi phân theo:

- Chi tiền lương và thu nhập (lương, phụ cấp, lương tăng thêm và các khoản chi khác có tính chất như lương cho giáo viên, giảng viên, cán bộ quản lý, nhân viên,...).
- Nguồn chi lương: 5.373.486.000 đồng
- Chi cơ sở vật chất và dịch vụ (chi mua sắm, duy tu sửa chữa, bảo dưỡng và vận hành cơ sở vật chất, trang thiết bị, thuê mướn các dịch vụ phục vụ trực tiếp cho hoạt động giáo dục, đào tạo, nghiên cứu, phát triển đội ngũ,...).
- Nguồn chi hoạt động giáo dục : 340.000.000 đồng
- Nguồn thu học phí (NH 2023-2024): 223.000.000 đồng
- Nguồn cấp bù học phí: 7.800.000 đồng
- Chi hỗ trợ người học (học bổng, trợ cấp, hỗ trợ sinh hoạt, hoạt động phong trào, thi đua, khen thưởng...).
- Hỗ trợ chi phí học tập: 6.750.000 đồng
- Chính sách hỗ trợ cho học sinh khuyết tật: 7.200.000 đồng

1.1 Các khoản thu thực hiện theo quy định

1.1.1. Học phí: Thu theo quy định tại Nghị quyết số 02/2024/NQ-HĐND ngày 22 tháng 4 năm 2024 của Hội đồng nhân dân tỉnh Nghệ An quy định mức thu học phí trong các cơ sở giáo dục công lập, mức hỗ trợ tiền đóng học phí cho học sinh tiểu học tư thục thuộc đối tượng được hưởng chính sách miễn giảm học phí theo quy định thuộc tỉnh Nghệ An quản lý từ năm học 2023-2024

Mức thu: **60.000 đ/ tháng**; Số tháng thu: 09 tháng

Thực hiện miễn – giảm học phí theo Nghị định 81/2021/NĐ-CP ngày 27 tháng 8 năm 2021 quy định về cơ chế thu, quản lý học phí đối với cơ sở giáo dục thuộc hệ thống giáo dục quốc dân và chính sách miễn, giảm học phí, hỗ trợ chi phí học tập; giá dịch vụ trong lĩnh vực giáo dục, đào tạo.

1.1.2. Tiền trông giữ xe đạp: Thực hiện theo điểm b Khoản 1 Điều 2 Quyết định số 80/2016/QĐ-UBND ngày 20/12/2016 của UBND tỉnh về việc quy định giá dịch vụ trông giữ xe trên địa bàn tỉnh Nghệ An.

Mức thu: **12.000 đ/ tháng**

1.1.3. Bảo hiểm y tế: Công văn số 1566/TB-BHXH ngày 23/08/2024 của BHXH tỉnh Nghệ An về việc thông báo bảo hiểm y tế học sinh, sinh viên năm học 2024 – 2025;

Công văn số 2262/UBND-GD&ĐT ngày 21/08/2024 của UBND huyện Diễn Châu về việc triển khai thực hiện bảo hiểm y tế học sinh, sinh viên năm học: 2024 – 2025; Thực hiện thu đối với những học sinh đăng ký tham gia tại trường, những học sinh có thể BHYT thuộc đối tượng khác Bộ phận Tài vụ phối hợp với GVCN tổng hợp báo cáo với cơ quan BHXH.

Mức thu: 73.710^d/ tháng x 15 tháng (Áp dụng đối với học sinh khối 6)

Mức thu: 73.710^d/ tháng x 12 tháng (Áp dụng đối với học sinh khối 7 – 8)

Mức thu: 73.710^d/ tháng x 9 tháng (Áp dụng đối với học sinh khối 9)

2. Các khoản thu dịch vụ

Thực hiện Nghị Quyết số 31/2020/NQ-HĐND ngày 13 tháng 12 năm 2020 của Hội đồng Nhân dân tỉnh Nghệ An về quy định mức thu tối đa các khoản dịch vụ phục vụ, hỗ trợ hoạt động giáo dục của nhà trường đối với cơ sở giáo dục công lập; mức thu dịch vụ tuyển sinh các cấp học trên địa bàn tỉnh Nghệ An.

Nhà trường triển khai các nội dung sau:

2.1 Dạy thêm, học thêm mức thu 18.000 đ/ buổi x 70 buổi

2.2 Photo đề kiểm tra: 60.000 đ/ năm học

2.3 Sổ liên lạc điện tử: 100.000 đ/ năm học (Thu theo sự thoả thuận giữa phụ huynh học sinh và Dịch vụ viễn thông VNPT)

2.4 Nước uống học sinh: 60.000 đ/ năm học (Thu theo sự thoả thuận giữa phụ huynh học sinh và công ty cung cấp nước)

3. Các khoản thu đóng góp tự nguyện

3.1 Vận động tài trợ cho cơ sở Giáo dục: Thông tư 16/2018/TT-BGDĐT ngày 03/8/2018 của Bộ Giáo dục và Đào tạo ban hành Quy định về tài trợ cho các cơ sở giáo dục hệ thống giáo dục quốc dân; Công văn số 2354/SGD&ĐT-KHTC ngày 10/12/2018 của Sở Giáo dục và Đào tạo hướng dẫn về việc thực hiện Thông tư 16/2018/TT-BGDĐT của Bộ Giáo dục và Đào tạo.

3.2 Kinh phí hoạt động của Ban đại diện cha mẹ học sinh: Thực hiện theo điều 10, Thông tư số 55/2011/TT-BGD&ĐT ngày 22 tháng 11 năm 2011 của Bộ Giáo dục và Đào tạo ban hành Điều lệ Ban đại diện cha mẹ học sinh.

3.2 Chính sách và kết quả thực hiện chính sách hằng năm về trợ cấp và miễn, giảm học phí, học bổng đối với người học

- Miễn giảm kỳ 1 năm học 2.2024-2025: 7.320.000 đồng
- Hỗ trợ chi phí học tập kỳ 1 năm học 2024-2025: 6.600.000 đồng
- Chính sách đối với học sinh theo TTLT số 42/2013: 14.976.000 đồng
- Tổng: 28.896.000 đồng.

3.3 Số dư các quỹ theo quy định, kể cả quỹ đặc thù (nếu có)

3.4 Các nội dung công khai tài chính khác thực hiện theo quy định của pháp luật về tài chính, ngân sách, kế toán, kiểm toán, dân chủ cơ sở.

- Thực hiện công khai theo Thông tư số 90 /2018/TT-BTC ngày 28/9/2018 của Bộ tài Chính về việc Sửa đổi, bổ sung một số điều của Thông tư số 61/2017/TT-BTC ngày 15 tháng 6 năm 2017 của Bộ Tài chính. Thông tư số 09/2024/TT-BGDĐT ngày 03/6/2024 của Bộ trưởng Bộ Giáo dục và Đào tạo (GDĐT) Quy định về công khai trong hoạt động của các cơ sở giáo dục thuộc hệ thống giáo dục quốc dân. Nhà trường thực hiện niêm yết công khai trên bảng tin; Website.

THỦ TRƯỞNG ĐƠN VỊ

(Đã ký)

Trần Sỹ Hạnh

Nơi nhận:

- Công thông tin điện tử;
- Lưu: VT, KT.

